|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN****NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP** Số: /TTr-UBQLV |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

#

**DỰ THẢO**

# TỜ TRÌNH

**Về Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản**

**Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ chủ trương, đường lối Văn kiện, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Nghị quyết số 55/NQ-TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 31-KL/TW ngày 7 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển ngành công nghiệp bô-xít - alumin - nhôm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020; Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-TW và Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị...

Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Ủy ban) đã chỉ đạo Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) xây dựng: “*Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” (viết tắt là: Chiến lược phát triển TKV)* tại Văn bản số 106/UBQLV-NL ngày 29/01/2021.

Đến nay, công tác lập Chiến lược phát triển TKV đã hoàn thành, TKV đã có Tờ trình số 1450/TTr-TKV ngày 4/4/2023 v/v đề nghị phê duyệt Chiến lược phát triển TKV. Sau khi xem xét nội dung Chiến lược phát triển TKV, Uỷ ban cơ bản thống nhất với mục tiêu, định hướng, giải pháp và các đề xuất - kiến nghị của TKV nêu trong Chiến lược phát triển.

Căn cứ theo điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước; khoản 2 Điều 26 Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thì Bộ Kế hoạch Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định để Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược. Vì vậy, Uỷ ban đã có Văn bản số 1208/UBQLV-NL ngày 23/6/2023 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định Chiến lược phát triển TKV.

Sau khi có ý kiến thẩm định của các Bộ, Ban, Ngành; Dự thảo Chiến lược phát triển đã được TKV tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện. Ủy ban kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TKV**

# 1. Sự cần thiết xây dựng Chiến lược

Chiến lược phát triển bền vững Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030(gọi tắt là Chiến lược 2010) được Bộ trưởng Bộ Công Thương theo sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 5239/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2010. Tuy nhiên, so với bối cảnh năm 2010 khi Chiến lược của Tập đoàn được phê duyệt đến nay đã qua 3 kỳ đại hội Đảng XI, XII, XIII, theo đó có nhiều đổi mới về pháp luật, cơ chế, chính sách; Chiến lược quốc gia, chiến lược, quy hoạch các ngành, lĩnh vực mới được ban hành nên Chiến lược phát triển của TKV cần được xây dựng mới để phù hợp trong tình hình mới.

Với mục tiêu hoạt động theo Điều lệ được ban hành tại Nghị định số 105/2018/NĐ-CP: kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại TKV; phát triển công nghiệp than, công nghiệp bô xít - alumin - nhôm, công nghiệp khoáng sản, công nghiệp điện, vật liệu nổ công nghiệp và các ngành, nghề khác có liên quan một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao; tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tập đoàn các công ty TKV thì mục tiêu của Chiến lược 2010 đã được phê duyệt là xây dựng “Tập đoàn công nghiệp - thương mại - tài chính kinh doanh đa ngành có thương hiệu mạnh ở trong nước và nước ngoài” cần phải có những điều chỉnh cho phù hợp cũng như TKV cần phải thực hiện việc tổ chức lại và thoái vốn trong một số ngành không thuộc lĩnh vực kinh doanh của mình theo lộ trình đã đề ra của Chính phủ.

Với những lý do nêu trên, để có căn cứ, định hướng phát triển bền vững Tập đoàn trong giai đoạn mới, cần thiết phải xây dựng “Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”.

# 2. Cơ sở xây dựng Chiến lược

Chiến lược phát triển TKV được lập dựa trên các cơ sở sau:

- Văn kiện, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 55/NQ-TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-TW.

- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Kết luận số 31-KL/TW ngày 7 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển ngành công nghiệp bô-xít - alumin - nhôm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Luật Khoáng sản ban hành ngày 17 ngày 11 tháng 2010; Luật Bảo vệ môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Đầu tư ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2014,... và các Nghị quyết của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các Luật này.

- Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (dự thảo).

* Chiến lược phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (dự thảo).
* Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt số 334/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.
* Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt số 726/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.
* Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt số 1266/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.
* Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 ban hành kèm theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc Hội.
* Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội.
* Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.
* Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định số [1454/QĐ-TTg](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=203975) ngày 1 năm 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.
* Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ (Quy hoạch điện VIII).
* Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.
* Quy hoạch tổng thể về Năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ (Quy hoạch tổng thể năng lượng).
* Quy hoạch phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của một số tỉnh có liên quan như Quảng Ninh, Thái Nguyên, Lâm Đồng, Đắc Nông, Lào Cai, Hà Tĩnh (Dự thảo).

- Các chiến lược, dự thảo chiến lược, các quy hoạch, dự thảo quy hoạch có liên quan khác đến than, khoáng sản, hoá chất, VLNCN, vật liệu xây dựng, năng lượng; các đề án về môi trường, kinh tế tuần hoàn của Chính phủ; cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26...

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tập đoàn lần thứ III; Chiến lược phát triển Khoáng sản TKV, Chiến lược phát triển Cơ khí TKV, Chiến lược phát triển Tổng Công ty Hoá chất mỏ - Vinacomin; Dự thảo Đề án phát triển Công ty TNHH MTV Môi trường...

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

# II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

Hồ sơ Chiến lược phát triển TKV trình kèm theo Tờ trình bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh Chiến lược phát triển TKV gồm 6 chương:

+ Chương I - Sự cần thiết và các căn cứ lập Chiến lược phát triển TKV đến năm 2030, định hướng đến năm 2045: Chương này nêu lên sự cần thiết lập Chiến lược phát triển TKV và các căn cứ lập Chiến lược (bao gồm các chính sách của Đảng và Nhà nước; các chiến lược, quy hoạch phát triển và các văn bản của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có liên quan).

+ Chương II - Thực trạng hoạt động SXKD của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: Chương này nêu lên thực trạng hoạt động SXKD của TKV, đồng thời phân tích, đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030được Bộ trưởng Bộ Công Thương theo sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 5239/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2010; thực trạng các nguồn lực và năng lực sản xuất chính của Tập đoàn; thực trạng hệ thống các tổ chức cơ sở Đảng và tổ chức Chính trị - Xã hội trong Tập đoàn.

+ Chương III - Phân tích môi trường kinh doanh và các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam với các nội dung chính: phân tích môi trường Kinh tế - Xã hội (bao gồm bối cảnh thế giới và trong nước, phân tích ảnh hưởng của các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đến sự phát triển của TKV trong thời kỳ chiến lược 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045); phân tích môi trường ngành và địa phương; tình hình sản xuất than và một số khoáng sản khác trên thế giới; phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của TKV; phân tích ma trận SWOT.

+ Chương IV - Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 với các nội dung chính: quan điểm, mục tiêu (mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể) theo các giai đoạn 2021 - 2030 và 2031 - 2045; các đột phá Chiến lược; đề xuất các định hướng phát triển theo từng lĩnh vực, từng ngành.

+ Chương V - Giải pháp thực hiện Chiến lược với các nhóm giải pháp: giải pháp về đột phá Chiến lược; giải pháp chung và nhóm Giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực và từng ngành.

+ Chương VI - Tổ chức thực hiện và kiến nghị.

- Bộ bản vẽ sản phẩm Chiến lược phát triển TKV.

- Tờ trình số 1450/TTr-TKV ngày 4/4/2023 của TKV v/v đề nghị phê duyệt Chiến lược phát triển; Tờ trình số /TTr-TKV ngày của TKV xin điều chỉnh nội dung Chiến lược phát triển TKV.

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển TKV.

Một số nội dung chính của Chiến lược phát triển TKV như sau:

**1. Quan điểm phát triển**

1. Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) thành Tập đoàn kinh tế mạnh, đóng góp vai trò quan trọng vào sự phát triển của kinh tế nhà nước; là một trong ba trụ cột đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Tập đoàn hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế để làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

2. Phát triển đồng bộ và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu các ngành, nghề kinh doanh chính: Công nghiệp than; khoáng sản - luyện kim; điện lực; vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) và các ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; ngành nghề do TKV đang đầu tư vốn kinh doanh; các ngành nghề được cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung theo điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn được Chính phủ ban hành.

3. Đảm bảo hài hoà giữa thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội được Chính phủ giao và hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV. Phát triển TKV bền vững theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hài hoà giữa khai thác sử dụng tài nguyên và trách nhiệm bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Đẩy nhanh các hoạt động thăm dò, đánh giá tài nguyên, trữ lượng than - khoáng sản của TKV được giao quản lý để chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho đầu tư phát triển bền vững ngành than và ngành khoáng sản - luyện kim, đáp ứng đủ và kịp thời cho nhu cầu khai thác và sử dụng của nền kinh tế. Khai thác, chế biến than - khoáng sản theo định hướng đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; phát thải các - bon thấp và thân thiện môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài; hướng tới mục tiêu trung hoà các - bon vào năm 2050. Khai thác khoáng sản gắn với chế biến sâu khoáng sản nhằm gia tăng chuỗi giá trị, tạo ra sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao; bảo đảm an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia.

5. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu TKV với mô hình kinh doanh và tổ chức hiệu quả, gọn nhẹ, chuyên môn hóa cao. Phát triển sản xuất kinh doanh bền vững gắn với mục tiêu phát triển con người, xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động; đảm bảo đời sống và quyền lợi, cơ hội phát triển cho người lao động. Tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển đổi nghề nghiệp; quản trị doanh nghiệp hiện đại, áp dụng các mô hình đạt chuẩn mực quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và phù hợp với công cuộc phát triển đất nước, các cam kết và hội nhập sâu rộng của Việt Nam với khu vực và thế giới.

6. Nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư ra nước ngoài để khai thác, nhập khẩu than - khoáng sản đáp ứng nhu cầu nền kinh tế (đặc biệt là những chủng loại than Việt Nam phải nhập khẩu). Xuất khẩu than - khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến; nhu cầu sử dụng của nền kinh tế quốc dân. Đầu tư phát triển và duy trì ổn định lâu dài các dự án khai thác, chế biến than và khoáng sản. Đẩy mạnh phát triển ngành khai thác bô - xít, chế biến alumin và luyện nhôm; khai thác và chế biến sắt, titan, đất hiếm để đảm bảo phát triển TKV cân bằng, phù hợp với tình hình mới.

**2. Mục tiêu phát triển**

***2.1. Mục tiêu tổng quát***

- Xây dựng và phát triển TKV trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh, kinh doanh bền vững, hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn sở hữu nhà nước đầu tư tại TKV và vốn của TKV đầu tư vào các doanh nghiệp khác; có năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực; vững mạnh về tài chính; mô hình tổ chức, quản lý, quản trị hiện đại và chuyên môn hóa cao, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa (CGH), tự động hóa (TĐH) và chuyển đổi số (CĐS); phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy truyền thống “*Kỷ luật và Đồng tâm*”; từng bước thực hiện đổi mới, sáng tạo; giữ vai trò chủ đạo trong việc sản xuất và cung ứng than, khai thác - chế biến, kinh doanh khoáng sản bô xít, đồng, chì-kẽm, sắt, titan, đất hiếm v.v.; sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng ngành, nghề kinh doanh chính và các ngành, nghề liên quan theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.

- Phấn đấu đến năm 2030 trở thành Tập đoàn kinh tế có quy mô trung bình, đến năm 2045 trở thành Tập đoàn kinh tế quy mô lớn trong khu vực Đông Nam Á.

***2.2. Mục tiêu cụ thể***

*2.2.1. Về công nghiệp than*

- Giai đoạn 2021 - 2030: Sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu đến 20 triệu tấn/năm; xuất khẩu khoảng 1 - 3 triệu tấn/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045: Duy trì sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu tăng đến trên 20 triệu tấn/năm và sau đó giảm dần theo nhu cầu thị trường trong nước; xuất khẩu khoảng 3 - 5 triệu tấn/năm.

*2.2.2. Về công nghiệp khoáng sản - luyện kim*

\* Giai đoạn 2021 - 2030:

- Sản phẩm từ quặng bôxít: alumin 1,4 - 4,0 triệu tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng titan: tinh quặng ilmmenit 160 ngàn tấn/năm; xỉ titan: 50 - 100 ngàn tấn/năm; zircon siêu mịn: 15 - 35 ngàn tấn/năm; pigment: 50 - 100 ngàn tấn/năm; titan xốp/titan kim loại: 10 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng chì - kẽm: kẽm thỏi: 12 - 15 ngàn tấn/năm; chì thỏi: 5 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng sắt: tinh quặng sắt: 270 ngàn - 6 triệu tấn/năm (trong đó dùng trong sản xuất phôi thép 390 ngàn - 4 triệu tấn/năm); phôi thép: 200 ngàn - 2.220 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng thiếc: phấn đấu đạt 300 tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng cromit: ferocrom phấn đấu đạt 20 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng đồng: đồng catot 18,2 - 30 ngàn tấn/năm và các sản phẩm đi kèm (vàng thỏi 664 - 940 kg/năm; bạc thỏi 670 - 1.150 kg/năm).

- Quặng đất hiếm: quặng tinh đất hiếm (TR2O3 ≥30%): 30 - 80 ngàn tấn/năm.

\* Giai đoạn 2031 - 2045:

- Sản phẩm từ quặng bô xít: alumin 4,0 - 10,0 triệu tấn/năm (trong đó dùng cho điện phân nhôm khoảng 1,8 triệu tấn/năm); nhôm thỏi: 900 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng titan: xỉ titan 100 - 150 ngàn tấn/năm; zircon siêu mịn: 30-60 ngàn tấn/năm; pigment: 100 - 150 ngàn tấn/năm; titan xốp/titan kim loại: 20 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng chì - kẽm: kẽm thỏi: 15 ngàn tấn/năm; chì thỏi: 5 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng sắt: tinh quặng sắt 7,0 - 10,0 triệu tấn/năm (trong đó dùng cho sản xuất phôi thép khoảng 4, 0 triệu tấn/năm); phôi thép: 2.220 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng thiếc: thiếc thỏi 300 tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng cromit: ferocrom 20 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng đồng: đồng tấm ≥ 30 ngàn tấn/năm và các sản phẩm đi kèm (vàng thỏi ≥ 940 kg/năm; bạc thỏi ≥ 1.150 kg/năm).

- Quặng đất hiếm: tổng oxit đất hiếm/ô xít đất hiếm riêng rẽ (TR2O3/REO≥95-99%): 20 - 30 ngàn tấn/năm.

*2.2.3. Công nghiệp điện*

- Giai đoạn 2021 - 2030: đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương II để nâng tổng công suất đặt các nhà máy điện của TKV lên 1.845 MW; sản lượng điện phát: 10 - 11 tỷ kWh/năm; nghiên cứu công nghệ chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than...

- Giai đoạn 2031 - 2045: phát triển năng lượng tái tạo theo quy hoạch để tự cung, phù hợp với phát triển công nghiệp nhôm tại Tây Nguyên; tối đa hóa chuỗi giá trị dịch vụ phát điện - sửa chữa - cung cấp, thay thế phụ tùng thiết bị; nghiên cứu thực hiện chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than hiện có theo lộ trình phù hợp...

*2.2.4. Vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất*

- Giai đoạn 2021 - 2030: sản lượng thuốc nổ 75.000 - 61.000 tấn/năm (giảm dần theo nhu cầu thị trường); sản lượng amoni nitrat và tiền chất thuốc nổ khác 172.000-205.000 tấn/năm; amoniac 100.000 - 150.000 tấn/năm (sau năm 2025).

- Giai đoạn 2031 - 2045: sản lượng thuốc nổ 61.000 - 50.000 tấn/năm (giảm dần theo nhu cầu thị trường); sản lượng amoni nitrat và tiền chất thuốc nổ khác 205.000 tấn/năm; amoniac 200.000 - 300.000 tấn/năm.

***2.5. Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính***

- Công nghiệp cơ khí: Đẩy mạnh chế tạo thiết bị mỏ, tiến đến chủ động được đa số các thiết bị, phụ tùng cho các thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến (sàng - tuyển) than và khoáng sản.

- Công nghiệp vật liệu xây dựng: Duy trì sản lượng sản xuất vật liệu xây dựng, nghiên cứu đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng xanh từ các nguồn xít thải nhà máy tuyển than, tro xỉ nhà máy nhiệt điện và chất thải rắn của quá trình khai thác than, khoáng sản phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế tuần hoàn.

- Các ngành nghề khác: Cung cấp dịch vụ xây lắp mỏ, xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông; thăm dò, khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế, thí nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo; dịch vụ cảng biển, kho bãi, logistic; dịch vụ y tế khám chữa bệnh nghề nghiệp...

***2.6. Mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận***

*\* Doanh thu:*

- Giai đoạn 2021 - 2030 là: 130 - 200 ngàn tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045 là: 200 - 300 ngàn tỷ đồng/năm, bình quân tăng 5%/năm.

*\* Lợi nhuận:*

- Giai đoạn 2021 - 2030 là: 3,5 - 6 ngàn tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045 là 6 - 7 ngàn tỷ đồng/năm.

**3. Định hướng phát triển**

**3.1. Định hướng chiến lược phát triển các lĩnh vực**

*3.1.1. Định hướng phát triển sản phẩm*

- Tăng cường phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao theo hướng chế biến sâu, nâng cao hàm lượng công nghệ và chất lượng.

- Tập trung phát triển các sản phẩm chính đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế quốc dân đi đôi với xuất khẩu các sản phẩm có thế mạnh: than, nhiên liệu từ than, đồng, chì-kẽm, ti-tan, phôi thép, alumin, nhôm thỏi, tiền chất sản xuất thuốc nổ, VLNCN và hóa chất mỏ trên nền than - khoáng sản, vật liệu xây dựng và công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm tái chế từ chất thải.

- Tăng cường tạo ra các sản phẩm sạch hơn, thân thiện với môi trường trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ chế biến than, khoáng sản và công nghệ tái chế, tái sử dụng chất thải.

*3.1.2. Định hướng thị trường*

- Công nghiệp than: Tham gia tích cực thị trường năng lượng cạnh tranh trong nước. Đa dạng hóa nguồn than nhập khẩu (*gồm cả đầu tư mỏ tại nước ngoài*) phục vụ kinh doanh, đáp ứng nhu cầu than cho các nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) có cam kết với TKV và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Giữ vững vai trò TKV là một trong những đầu mối nhập khẩu than lớn nhất.

- Công nghiệp khoáng sản- luyện kim: Tiếp tục ưu tiên củng cố thị trường nội địa, trên cơ sở đó mở rộng và phát triển ra thị trường khu vực và quốc tế.

- Công nghiệp điện:Khai thác triệt để các cơ hội thị trường để tối đa hoá lợi nhuận bằng chiến lược chào giá. Tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh sau năm 2025, bước đầu là các nhà máy điện của TKV có thể bán điện đầu vào trực tiếp cho các hộ tiêu thụ lớn trong Tập đoàn để tối ưu hoá nguồn lực.

- VLNCN và hóa chất:Củng cố, phát triển và chiếm lĩnh tối đa thị trường cung ứng VLNCN, dịch vụ nổ mìn trong nước. Duy trì là nhà cung cấp chủ yếu về nguyên liệu, tiền chất thuốc nổ để sản xuất VLNCN trong nước. Duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm VLNCN, xuất khẩu tiền chất thuốc nổ ra các nước trong khu vực. Hình thành phát triển kênh phân phối VLXD, kinh doanh vật tư thiết bị, hoá chất, dịch vụ tư vấn kỹ thuật công nghệ, Logistics dầu khí, sản xuất phân bón, bao bì...

*3.1.3. Định hướng đầu tư*

- Đầu tư tăng năng lực sản xuất và phát triển các sản phẩm chính.

- Đầu tư đồng bộ và phát triển công nghiệp hỗ trợ, các cơ sở hạ tầng.

- Tăng cường đầu tư tạo ra các sản phẩm sạch hơn, thân thiện với môi trường.

- Tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, CGH, TĐH và CĐS,...

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng - logistic phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tập trung các nguồn lực để đầu tư, hợp tác đầu tư, nghiên cứu phát triển các lĩnh vực: bô xít - alumin - nhôm; khai thác - chế biến sâu khoáng sản titan - zircon, đất hiếm, cromit, đồng, sắt (mỏ Thạch Khê khi được cấp có thẩm quyền cho phép); đầu tư khai thác, chế biến đất hiếm tại Lai Châu và khai thác than tại Bể than Đồng bằng Sông Hồng khi lựa chọn được công nghệ phù hợp...

- Tìm kiếm hợp tác đầu tư với nước ngoài để phát triển SXKD.

*3.1.4. Định hướng công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*

- Thực thi chính sách bảo vệ môi trường (BVMT) gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính; tăng cường tận thu tài nguyên, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác phòng ngừa các sự cố môi trường; đẩy mạnh đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan, trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tái chế, tái sử dụng tối đa các loại chất thải phát sinh trong sản xuất để giảm thiểu phát thải và làm nguyên vật liệu đầu vào của ngành khác hay tuần hoàn trong nội tại TKV; các vùng đất sau khai thác mỏ được chuyển đổi sang phát triển kinh tế rừng và các mục đích khác thân thiện môi trường.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp sản xuất sạch hơn, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong sản xuất; từng bước đưa công nghiệp than trở thành ngành kinh tế xanh - kinh tế tuần hoàn, phát triển hài hoà, thân thiện với môi trường, cộng đồng; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh.

- Quy hoạch, đầu tư khai thác tiềm năng của các vùng đất sau khai thác mỏ (khai trường, mặt bằng sân công nghiệp, bãi thải đã kết thúc được cải tạo phục hồi môi trường) để chủ động chuyển đổi mục đích sang phục vụ phát triển kinh tế xanh, thân thiện môi trường và bảo vệ an toàn không gian khai thác mỏ.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu của TKV giai đoạn đến năm 2030, định hướng tới 2050.

*3.1.5. Định hướng công tác an toàn lao động*

- Thực hiện tiêu chí: An toàn - Hiện đại - Thân thiện với môi trường.

- Xây dựng hệ thống tổ chức làm công tác an toàn vệ sinh lao động phù hợp với quy mô, điều kiện hoạt động sản xuất của Tập đoàn cho đến các đơn vị.

- Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và bằng ý thức, nỗ lực của các cá nhân, tập thể.

- Không ngừng đẩy mạnh các hình thức, các biện pháp, hoạt động trong công tác tuyên truyền, huấn luyện, kiểm tra, khen thưởng, xử lý kỷ luật.

*3.1.6. Định hướng phát triển nguồn vốn và nâng cao tiềm lực tài chính*

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu của TKV trên cơ sở không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực của xã hội.

*3.1.7. Định hướng phát triển nguồn nhân lực*

- Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng.

- Quy hoạch và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Đổi mới công tác giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở các tiêu chuẩn giáo dục quốc gia và đạt trình độ khu vực hoặc quốc tế để đáp ứng yêu cầu của các đơn vị trong Tập đoàn.

- Thường xuyên hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, hệ thống thang bảng lương, định mức lao động.

- Tập trung nguồn lực phù hợp để đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu thuộc các lĩnh vực SXKD chính.

*3.1.8. Định hướng phát triển văn hóa doanh nghiệp*

- Thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo gắn với giá trị văn hóa truyền thống của TKV trong mọi lĩnh vực SXKD;

- Duy trì và phát triển văn hóa chia sẻ thành công, đồng hành có trách nhiệm của người lao động, doanh nghiệp với sự phát triển cộng đồng xã hội;

- Khởi tạo văn hóa công dân số phù hợp với nền kinh tê số, văn hóa số đậm đà bản sắc dân tộc, bản sắc TKV.

**3.2. Định hướng phát triển các ngành sản xuất - kinh doanh**

*3.2.1. Định hướng phát triển công nghiệp than*

- Công tác thăm dò phải luôn đi trước một bước; thăm dò đánh giá trữ lượng than hiện có đảm bảo độ tin cậy phục vụ thiết kế khai thác kết hợp đẩy mạnh thăm dò các mỏ mới nhằm chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho sự phát triển ổn định, lâu dài của lĩnh vực sản xuất than của TKV nói riêng và của ngành than quốc gia nói chung.

- Đổi mới và áp dụng công nghệ thăm dò tiên tiến, đặc biệt đối với những khu vực nằm ở độ sâu lớn, điều kiện địa chất phức tạp; tiếp tục tìm kiếm đối tác nghiên cứu đầu tư lựa chọn công nghệ, phương pháp thăm dò thích hợp để thăm dò bể than Sông Hồng.

- Tập trung phát triển, duy trì các mỏ hầm lò sản lượng lớn theo tiêu chí “Mỏ xanh, Mỏ hiện đại, Mỏ sản lượng cao, Mỏ an toàn”. Phát triển các mỏ khai thác lộ thiên theo hương nâng cao hệ số bóc giới hạn, phù hợp với điều kiện kinh tế, kỹ thuật và quy hoạch liên quan; thực hiện công tác đổ thải đất đá theo hướng sử dụng tối đa bãi thải trong.

- Liên thông các mỏ sản lượng nhỏ có điều kiện địa chất, địa lý, hạ tầng phù hợp thành các mỏ sản lượng lớn. Khai thác an toàn, tiết kiệm, tận thu hiệu quả nguồn tài nguyên than đã được giao quản lý bao gồm cả trữ lượng than tại các khu vực trụ bảo vệ các công trình và phẩn tài nguyên than tổn thất còn lại sau khi đã kết thúc khai thác hầm lò trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phát triển sản lượng khai thác theo hướng bền vững, hiệu quả.

- Duy trì, cải tạo các nhà máy sàng tuyển, trung tâm chế biến than hiện có kết hợp việc duy trì hợp lý các cụm sàng mỏ; tiếp tục đầu tư xây dựng mới nhà máy sàng tuyển tập trung; chế biến than trong nước kết hợp với pha trộn than nhập khẩu theo hướng tối đa chủng loại than cho sản xuất điện; đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước phù hợp theo thị trường. Chú trọng công tác khai thác than bùn làm nhiên liệu và phân bón phục vụ nhu cầu của ngành nông, lâm nghiệp.

- Tăng cường nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác than, nhất là các mỏ than lớn, mỏ than gần khu dân cư, thành thị, ven biển..., các mỏ than có điều kiện địa chất phức tạp.

- Tổ chức hệ thống vận tải (đường bộ, đường sắt, băng tải) phù hợp năng lực sản xuất than từng khu vực với công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hiệu quả kinh tế; gắn các mỏ than với các hộ tiêu thụ lớn trong khu vực phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị và cơ sở hạ tầng các khu vực có hoạt động khai thác than; tăng cường sử dụng băng tải, đường sắt, đường thuỷ để vận tải than và hạn chế tối đa hình thức vận tải bằng ô tô để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Đầu tư cải tạo và xây dựng mới các cảng than nội địa để phục vụ xuất, nhập, pha trộn than với công nghệ tiên tiến hiện đại, thân thiện với môi trường. Quy hoạch các kho, cảng đầu mối phục vụ nhập khẩu, trung chuyển và cung ứng than theo từng khu vực (phía Bắc và phía Nam) phù hợp với định hướng phát triển của TKV theo từng giai đoạn.

- Khai thác và sử dụng đất đá thải mỏ phục vụ sản lấp mặt bằng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, cải tạo phục hồi môi trường khai thác; nghiên cứu chế biến đất đá thải mỏ để làm vật liệu xây dừng nhằm tăng hiệu quả của công tác khai thác, sử dụng đất đá thải mỏ.

- Hoàn thiện mô hình kinh doanh “*vừa sản xuất vừa thương mại than*”. Chuẩn bị tốt các nguồn lực để tham gia tích cực thị trường năng lượng cạnh tranh.

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư khai thác than tại nước ngoài. Nhập khẩu than phù hợp nhu cầu thị trường đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng than trong nước, đặc biệt là than cho sản xuất điện. Xuất khẩu loại than chất lượng cao mà trong nước không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết, tăng cường công tác chế biến các loại than chất lượng cao từ than sản xuất trong nước phù hợp nhu cầu thị trường thế giới để xuất khẩu.

*3.2.2. Định hướng phát triển công nghiệp khoáng sản - luyện kim*

- Phát triển ngành công nghiệp khoáng sản của TKV ngang tầm ngành công nghiệp than trên cơ sở tăng cường công tác thăm dò phát triển tài nguyên, đầu tư phát triển các mỏ mới, kết hợp với giải pháp đa dạng hóa nguồn cung quặng/tinh quặng (hợp tác khai thác, nhập khẩu) nhằm đáp ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến khoáng sản hoạt động ổn định, bền vững; duy trì sản xuất hiệu quả các tổ hợp khai thác - chế biến khoáng sản đã đầu tư; đẩy mạnh công tác khai thác mở rộng, xuống sâu các mỏ đã cấp phép khai thác; thực hiện các thủ tục pháp lý để được cấp có thẩm quyền cho phép tiếp tục khai thác mỏ sắt Thạch Khê, cấp phép khai thác mỏ cromit Cổ Định theo chỉ đạo tại Nghị Quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng và Kết luận 31-KL/TW ngày 7/3/2022 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển ngành công nghiệp bô - xít - alumin - nhôm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chế biến sâu các loại khoáng sản để tạo ra sản phẩm giá trị kinh tế cao; đầu tư/hợp tác đầu tư mở rộng nâng công suất 02 Tổ hợp alumin hiện có và đầu tư các nhà máy alumin, luyện nhôm mới với lộ trình phù hợp; nghiên cứu đầu tư các dự án nhà máy sản xuất phôi thép tại Hà Tĩnh, nhà máy sản xuất tổng ô xít đất hiếm/đất hiếm riêng rẽ, zircon siêu mịn, Pigment, titan xốp/titan kim loại và các sản phẩm chế biến sâu từ đồng cathode.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao, tiếp thu, ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, chuyển đổi công nghệ, thiết bị của các công đoạn: thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, bảo vệ môi trường đối với từng nhóm/loại khoáng sản. Đối với khoáng sản bô-xít Tây Nguyên, titan Bình Thuận, đất hiếm Lai Châu, crômit Thanh Hóa, các mỏ/cụm mỏ khoáng sản khác có quy mô lớn như mỏ sắt Thạch Khê, mỏ đồng tỉnh Lào Cai... đầu tư phát triển hình thành các tổ hợp khai thác gắn với chế biến, áp dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại. Cải tạo phục hồi môi trường các mỏ khoáng sản TKV ngay sau khi kết thúc theo hướng lồng ghép tái tạo, phục hồi môi trường kết hợp phát triển các dự án xanh phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế thân thiện môi trường.

- Đa dạng hóa sản phẩm khoáng sản phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ, mở rộng hình thức đầu tư, hợp tác nghiên cứu, đầu tư; khai thác tối đa giá trị mô hình liên thông Than - Khoáng sản - Luyện Kim để hình thành hệ sinh thái TKV phù hợp với định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn: Than - Điện - Luyện kim.

- Kết hợp với các Bộ, Ngành trung ương, các địa phương để thúc đẩy đầu tư nâng cấp, xây mới hạ tầng, logistic đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm khoáng sản của Tập đoàn. Đảm bảo cân đối, hài hoà giữa xuất khẩu, nhập khẩu, trước hết đảm bảo nhu cầu sử dụng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho các dự án chế biến; xuất khẩu khoáng sản đã qua chế biến đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo quy định, đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác đền bù, GPMB, tái định cư; xây dựng phương án và đề xuất cơ chế sử dụng đất sau khai thác theo hướng ưu tiên tối đa bố trí tái định canh, một phần dành cho tái định cư và một phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương gắn với việc có giải pháp hoàn trả hoặc cho phép TKV hoạch toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại TKV theo quy định để đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, Tập đoàn, người dân trong khu vực thu hồi đất phục vụ các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản, đặt biệt là đối với khoáng sản dạng bề mặt (bô-xít, tittan).

*3.2.3. Định hướng phát triển công nghiệp điện*

- Cải tạo, nâng cấp, đổi mới công nghệ các nhà máy điện than hiện có để tận dụng nguồn than chất lượng thấp, hoàn thành dự án đầu tư đã có trong Quy hoạch điện VIII (Nhiệt điện Na Dương II).

- Nghiên cứu đầu tư một số dự án NLTT, triển khai các dự án điện mặt trời áp mái tại các văn phòng, trụ sở tại các đơn vị của TKV; hình thành các tổ hợp cung cấp năng lượng theo mô hình tự sản - tự tiêu. Trong đó, tập trung vào dự án điện mặt trời trên hồ thuỷ điện Đồng Nai 5; điện mặt trời, điện gió khu vực Tây Nguyên tại các khu vực đã hoàn thành việc khai thác bô xít; các khu vực bãi thải mỏ tiến tới dần hình thành các tổ hợp công nghiệp Than/NLTT - Điện - Alumin, nhôm.

- Chuẩn bị các nguồn lực về con người, hạ tầng và mô hình tổ chức để sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

- Thực hiện chuyển đổi nhiên liệu theo lộ trình phù hợp gắn với hiện đại hoá sản xuất, quản trị nhà máy điện tiên tiến; áp dụng các công nghệ giảm phát thải, công nghệ xanh phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ của thế giới. Định hướng thực hiện chuyển đổi nhiên liệu sang sinh khối và amoniac với các nhà máy nhiệt điện than đã vận hành sau 20 năm khi giá thành phù hợp và có hành lang pháp lý đầy đủ.

- Chuẩn bị các nguồn lực về con người, hạ tầng và mô hình tổ chức để sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện canh tranh.

*3.2.4. Định hướng phát triển vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất*

- Tiếp tục phát triển sản phẩm cốt lõi là VLNCN, tiền chất thuốc nổ và chuỗi sản phẩm dịch vụ. Phát triển sản xuất một số loại tiền chất thuốc nổ khác như: natri nitrat (NaNO3)...

- Nghiên cứu sản xuất, ứng dụng thay thế dần nguyên liệu, vật tư đang nhập khẩu (amoniac-NH3...) để phục vụ cho các dây chuyền sản xuất: amoni nitrat, nhũ tương hầm lò, nhũ tương rời, chuyển đổi năng lượng xanh...

- Đầu tư sản xuất phân bón, tham gia chuỗi sản xuất cung ứng các sản phẩm hóa chất cơ bản dùng trong công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, hóa dầu; công nghiệp xử lý nước, sản xuất chất tẩy rửa, xút lỏng, một số sản phẩm phụ trợ khác cho nông nghiệp và các chế phẩm kèm theo tiến tới doanh thu hoá chất tiệm cận với sản phẩm chính.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm VLNCN, tiền chất thuốc nổ và dịch vụ khoan, nổ, mìn ra các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Inđônêxia...

**3.3. Định hướng phát triển mô hình kinh doanh, mô hình tổ chức**

*3.3.1.* *Định hướng phát triển mô hình kinh doanh*

Gắn kinh doanh với sản xuất tạo ra chuỗi giá trị khai thác, chế biến than - khoáng sản, sản xuất điện, luyện kim, VLNCN, dịch vụ logistic phù hợp mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ việc sử dụng các hóa chất độc hại, tái sử dụng, tái chế chất thải (đất đá thải, nước thải đã qua xử lý, chất thải công nghiệp...) làm nguyên vật liệu cho phát triển hạ tầng và công nghiệp; đi đôi với phát triển theo chiều rộng, tăng cường phát triển theo chiều sâu bằng cách áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại. Từng bước tiến tới liên thông 03 phân ngành sản xuất kinh doanh chính của TKV là “Than - Điện - Luyện kim”.

*3.3.2. Định hướng phát triển mô hình tổ chức Công ty mẹ - TKV*

- TKV tiếp tục hoạt động theo mô hình hoạt động hỗn hợp, theo đó Công ty mẹ -TKV vừa thực hiện chức năng đầu tư tài chính, vừa trực tiếp hoạt động sản xuất - kinh doanh.

- Chủ động phân công, hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị chế biến, kho vận, giao nhận và kinh doanh than thuộc Công ty mẹ - TKV nhằm chủ động trong công tác tiêu thụ than, nhập khẩu than.

- Thực hiện lộ trình cổ phần hóa Công ty mẹ - TKV vào thời điểm phù hợp theo tiến độ do Chính phủ phê duyệt.

*3.3.3. Định hướng phát triển mô hình tổ chức các công ty thành viên*

- Duy trì tỷ lệ nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần chi phối ở các công ty con hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chính và liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính.

- Tổ chức lại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên: Hợp nhất nhằm tăng quy mô một số công ty cổ phần sản xuất than có vị trí địa lý và tài nguyên liền kề nhau; tổ chức lại các viện nghiên cứu theo mô hình Nghiên cứu - Chế tạo - Chuyển giao công nghệ; tổ chức lại các đơn vị tư vấn đầu tư, thiết kế, giám sát và quản lý dự án theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp; tổ chức lại các công ty thăm dò địa chất mỏ để hình thành các công ty đủ mạnh thực hiện các hoạt động khảo sát, thăm dò than - khoáng sản trong và ngoài nước.

- Thoái vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết kinh doanh kém hiệu quả hoặc không phù hợp với định hướng phát triển trong giai đoạn tới.

**4. Giải pháp thực hiện**

Chiến lược phát triển TKV đã đưa ra 03 nhóm giải pháp khác nhau để đảm bảo thực hiện tốt Chiến lược gồm:

(i) Nhóm giải pháp thực hiện các đột phá chiến lược:

+ Phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH) phù hợp với mô hình kinh doanh và tổ chức quản lý của Tập đoàn TKV

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số, nghiên cứu và ứng dụng KHCN&ĐMST

(ii) Nhóm giải pháp chung:

+ Giải pháp về thị trường.

+ Giải pháp về đầu tư.

+ Giải pháp về phát triển nguồn vốn và nâng cao tiềm lực tài chính.

+ Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

+ Giải pháp về chuyển dịch năng lượng công bằng.

+ Giải pháp về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Giải pháp về tái cơ cấu và cổ phần hóa.

+ Giải pháp về hợp tác và hội nhập quốc tế.

(iii) Nhóm giải pháp cụ thể phát triển sản xuất kinh doanh:

+ Giải pháp phát triển công nghiệp than.

+ Giải pháp về phát triển công nghiệp khoáng sản - luyện kim.

+ Giải pháp về phát triển công nghiệp điện.

+ Giải pháp về phát triển vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất.

**5. Tổ chức thực hiện**

(i) Ủy ban và các bộ ngành: căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và theo dõi việc thực hiện Chiến lược phát triển của TKV; đồng thời kịp thời chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến việc thực hiện Chiến lược.

(ii) Các địa phương: Xây dựng cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi cho TKV triển khai các dự án và các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn để hoàn thành mục tiêu Chiến lược, góp phần đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức phối hợp triển khai thực hiện Chiến lược, cập nhật và điều chỉnh các quy hoạch liên quan của địa phương để tránh chồng lấn với các quy hoạch phát triển của địa phương với các đề án thăm dò, dự án khai thác mỏ của TKV đã có trong quy hoạch tổng thể năng lượng tạo điều kiện huy động tối đa tài nguyên nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phát triển các ngành công nghiệp trong nước; chủ trì, phối hợp với TKV thực hiện công tác đền bù - giải phóng mặt bằng, di dân - tái định cư, đảm bảo đủ quỹ đất cho các dự án của TKV trên địa bàn.

(iii) Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:

- Trên cơ sở Chiến lược phát triển TKV và Quy hoạch các ngành liên quan được phê duyệt, xây dựng các kế hoạch dài hạn (2022 - 2030), trung hạn (2022 - 2025) và kế hoạch hàng năm phù hợp để thực hiện có hiệu quả và đạt được các mục tiêu đề ra trong Chiến lược và Quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Đối với các kỳ kế hoạch, triển khai các giải pháp cụ thể về nguồn lực, kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công chỉ đạo và phối hợp thực hiện giữa các đơn vị thành viên, kiểm tra - giám sát quá trình thực hiện; thực hiện định kỳ việc đánh giá và điều chỉnh kịp thời để đạt được các mục tiêu và định hướng phát triển của Chiến lược.

- Tập trung thực hiện khẩn trương và quyết liệt việc tái cơ cấu TKV, đảm bảo mô hình kinh doanh và tổ chức của TKV có tính hiện đại và chuyên môn hóa cao, gọn nhẹ và hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

- Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tình hình thực hiện Chiến lược phát triển TKV; đề xuất kịp thời việc sửa đổi, điều chỉnh Chiến lược để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt theo Dự thảo Quyết định của Uỷ ban kèm theo Tờ trình này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Văn phòng Chính phủ;- Các Bộ: CT, KHĐT, TC, TNMT;- UBQLV: Lãnh đạo UB, các Vụ: NL, TH, TCCB;- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;- Lưu: VT, UBQLV. | **CHỦ TỊCH****Nguyễn Hoàng Anh** |